

Số: /BC-UBND

Tủa Chùa, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Thuyết minh tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2022
(trình tại Kỳ họp thứ 12, HĐND huyện khóa XXI)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh Điện Biên quy định về thời gian gửi báo cáo, mẫu biểu đảm bảo lập kế hoạch tài chính 05 địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm; kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán và thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương các cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Tủa Chùa khóa XXI, kỳ họp thứ 4 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện Tủa chùa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022.

UBND huyện Tủa Chùa báo cáo thuyết minh tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2022, như sau:

I. QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

1. Quyết toán thu ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2022: 667.296.603.484 đồng, trong đó, ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 665.890.210.366 đồng, đạt 139% dự toán huyện giao, bao gồm:

1.1. Thu ngân sách trên địa bàn: 17.204.915.235 đồng, trong đó ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp 15.798.522.117 đồng, đạt 137% dự toán tỉnh giao và đạt 133% dự toán huyện giao, cụ thể:

- Thu từ kinh tế quốc doanh: 27.791.300 đồng.
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 6.942.468.383 đồng, đạt 105% dự toán tỉnh giao và đạt 99% dự toán huyện giao.
- Thuế thu nhập cá nhân: 1.236.719.390 đồng, đạt 103% dự toán tỉnh và huyện giao.
- Lệ phí trước bạ: 3.171.166.624 đồng, 231% dự toán tỉnh và huyện giao.
- Phí và lệ phí: 681.116.672 đồng, đạt 97% dự toán tỉnh và đạt 91% dự toán huyện giao.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 73.817.903 đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 757.655.550 đồng, đạt 76% dự toán huyện giao.
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 633.921.529 đồng, đạt 254% dự toán huyện giao.
- Thu tiền mặt đất, mặt nước: 1.178.487.764 đồng, đạt 589% dự toán huyện giao.
- Thu khác ngân sách: 2.483.023.120 đồng, đạt 331% dự toán tỉnh giao và đạt 292% dự toán huyện giao.
- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi khác: 18.747.000 đồng.

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 617.283.160.980 đồng, đạt 132% dự toán huyện giao, trong đó:

- Thu bổ sung cân đối: 529.345.760.980 đồng, đạt 113% dự toán huyện giao.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 87.937.400.000 đồng, đạt 122.135% dự toán huyện giao.

1.3. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 32.808.527.269 đồng.

2. Tổng chi ngân sách địa phương: 665.890.210.366 đồng, đạt 139% dự toán huyện giao, trong đó:

2.1. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 69.755.160.980 đồng.

2.2. Các khoản chi ngân sách cấp huyện, cấp xã: 492.911.563.266 đồng, đạt 103% dự toán huyện giao, bao gồm:

2.2.1. Chi đầu tư phát triển: 13.956.838.493 đồng, đạt 80% dự toán huyện giao.

2.2.2. Chi thường xuyên: 478.954.724.773 đồng, đạt 104% dự toán huyện giao, trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 43.214.049.311 đồng, đạt 105% dự toán huyện giao.
- Sự nghiệp môi trường: 2.324.832.033 đồng, đạt 96% dự toán huyện giao.
- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 282.844.840 đồng, đạt 113% dự toán huyện giao.
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo dạy nghề: 283.624.750.718 đồng, đạt 105% dự toán huyện giao.
- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 2.474.234.780 đồng, đạt 99% dự toán huyện giao.
- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin: 5.619.357.083 đồng, đạt 120% dự toán huyện giao.
- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 1.027.100.000 đồng, đạt 103% dự toán giao.
- Chi đảm bảo xã hội: 26.907.334.058 đồng, đạt 98% dự toán huyện giao.
- Chi quản lý hành chính: 103.200.097.450 đồng, đạt 101% dự toán huyện giao.
- Chi quốc phòng: 8.036.182.500 đồng, đạt 106% dự toán huyện giao.
- Chi an ninh: 1.808.942.000 đồng, đạt 92% dự toán huyện giao.
- Chi khác (Ban chỉ đạo 160; chi hỗ trợ các đơn vị): 435.000.000 đồng.

2.3. Chi các chương trình mục tiêu: 33.802.414.571 đồng, bao gồm:

2.3.1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 14.775.326.255 đồng, cụ thể:

- a) Dự án 1:** Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng - xã hội 11.523.646.139 đồng.
- b) Tiểu dự án 3:** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (*Chương trình 30a*) 2.015.436.320 đồng.
- c) Dự án 4:** Phát triển giáo dục, việc làm bền vững 593.081.796 đồng.
- d) Dự án 6:** Truyền thông và giảm nghèo thông về thông tin 55.901.000 đồng.
- e) Dự án 7:** Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình 587.261.000 đồng.

2.3.2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 3.188.304.676 đồng, cụ thể:

- a) Dự án 3:** Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị 100.000.000 đồng.

b) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực 1.251.405.083 đồng.

c) Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn lực 1.500.355.941 đồng.

d) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình 221.943.652 đồng.

e) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN, kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình 114.600.000 đồng.

2.3.3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 15.838.783.640 đồng (bao gồm: Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng 15.765.781.000 đồng; vốn sự nghiệp 73.002.640 đồng).

2.4. Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 605.781.250 đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu đảm bảo an toàn giao thông: 72.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

- Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững: 533.781.250 đồng.

2.5. Chi chuyển nguồn: 66.192.607.877 đồng (bao gồm: Ngân sách huyện 59.913.192.323 đồng; Ngân sách xã 6.279.415.554 đồng).

2.6. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 2.622.682.422 đồng.

II. QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

Tổng quyết toán chi ngân sách cấp huyện: 594.694.004.934 đồng, đạt 124% dự toán huyện giao, trong đó:

1. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 69.755.160.980 đồng, bao gồm: Chi bổ sung cân đối 61.463.760.980 đồng; chi bổ sung có mục tiêu 8.291.400.000 đồng.

2. Các khoản chi ngân sách cấp huyện: 431.162.329.610 đồng, bao gồm:

2.1. Chi đầu tư: 13.248.852.366 đồng, đạt 80% dự toán huyện giao, (trong đó: Chi xây dựng cơ bản vốn trong nước 12.564.861.000 đồng; Ghi thu tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền thuê đất phải nộp 683.991.366 đồng).

2.2. Chi thường xuyên: 417.913.477.244 đồng, đạt 105% dự toán huyện giao, cụ thể:

2.2.1. Chi sự nghiệp kinh tế: 42.599.916.639 đồng, đạt 112% dự toán huyện giao (trong đó: Sự nghiệp nông nghiệp: 12.331.119.618 đồng; Sự nghiệp thủy lợi 4.599.123.199 đồng; Sự nghiệp giao thông 18.021.018.380 đồng; sự

nghiệp kinh tế khác 7.648.655.442 đồng). Nguyên nhân tăng so với dự toán giao đầu năm do tỉnh, huyện bổ sung kinh phí giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp; Kinh phí tiêm phòng, phun phòng bệnh gia súc, gia cầm; Kinh phí Sửa chữa, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn, các khoản chi thường xuyên khác...

2.2.2. Chi sự nghiệp môi trường: 2.091.369.233 đồng, đạt 97% dự toán huyện giao.

2.2.3. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 282.844.840 đồng, đạt 113% dự toán huyện giao. Nguyên nhân tăng so với dự toán giao đầu năm do huyện bổ sung kinh phí chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn.

2.2.4. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo dạy nghề: 283.294.585.210 đồng, đạt 105% dự toán huyện giao, bao gồm:

- Chi sự nghiệp giáo dục: 279.298.977.710 đồng, trong đó quyết toán các chế độ chính sách gồm: Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú, trường bán trú theo Nghị định 116/NĐ-CP: 41.990.171.160 đồng; cấp bù miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định 86/NĐ-CP và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 19.314.278.000 đồng; hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3 - 5 tuổi: 6.070.240.000 đồng; hỗ trợ kinh phí nấu ăn cho trẻ mầm non 2.151.960.000 đồng; kinh phí để thực hiện chế độ phụ cấp dạy lớp ghép, dạy tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số: 614.201.473 đồng; chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 13/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính: 648.128.000 đồng.

- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: 3.995.607.500 đồng.

2.2.5. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 2.474.234.780 đồng, đạt 99% dự toán huyện giao.

2.2.6. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 5.619.357.083 đồng, đạt 120% dự toán huyện giao. Nguyên nhân tăng chi so với dự toán giao là do trong năm bổ sung kinh phí hội diễn công nông binh; kinh phí đội tuyên truyền lưu động; kinh phí đầu tư lắp đặt hệ thống màn hình LED...

2.2.7. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 1.027.100.000 đồng, đạt 103% dự toán huyện giao. Nguyên nhân tăng chi so với dự toán giao là do trong năm bổ sung kinh phí giải cầu lông chào mừng 67 năm thành lập huyện, kinh phí đại hội Thể dục Thể thao.

2.2.8. Chi đảm bảo xã hội: 26.392.779.228 đồng, đạt 97% dự toán huyện giao.

2.2.9. Chi quản lý hành chính: 49.516.290.231 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

2.2.10. Chi quốc phòng: 2.380.000.000 đồng, đạt 128% dự toán huyện giao.

2.2.12. Chi an ninh: 1.800.000.000 đồng, đạt 113% dự toán huyện giao.

2.2.13. Chi khác (Ban chỉ đạo 160; Chi cục Thi hành án huyện): 435.000.000 đồng.

3. Chi các chương trình mục tiêu: 30.634.858.349 đồng, bao gồm:

3.1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 12.859.175.116 đồng, cụ thể:

a) Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng - xã hội 9.607.495.000 đồng;

b) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (*Chương trình 30a*) 2.015.436.320 đồng;

c) Dự án 4: Phát triển giáo dục, việc làm bền vững 593.081.796 đồng;

d) Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo thông về thông tin 55.901.000 đồng;

e) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình 587.261.000 đồng.

3.2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.936.899.593 đồng, cụ thể:

a) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị 100.000.000 đồng;

b) Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn lực 1.500.355.941 đồng;

c) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình 221.943.652 đồng;

d) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN, kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình 114.600.000 đồng.

3.3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 15.838.783.640 đồng (bao gồm: *Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng* 15.765.781.000 đồng; *vốn sự nghiệp* 73.002.640 đồng).

4. Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 605.781.250 đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu đảm bảo an toàn giao thông: 72.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

- Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững: 533.781.250 đồng.

5. Chi chuyển nguồn ngân sách: 59.913.192.323 đồng, tăng 87% so với năm 2021, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công 9.203.863.000 đồng, bao gồm:

+ Nguồn vốn chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước 3.380.152.873 đồng (bao gồm: Nâng cấp sửa chữa nhà khách Huyện ủy - HĐND&UBND 1.950.000.000 đồng, Nâng cấp các tuyến đường nội thị Thị trấn Tủa Chùa 1.383.139.000 đồng).

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 488.219.000 đồng (bao gồm: Nâng cấp tuyến đường nội thôn Tả Huổi Tráng 1, xã Tủa Thành 223.445.000 đồng; Thủy lợi Nà Luông Tỉnh Bản Đun xã Mường Đun 68.211.000 đồng; Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ thôn Bản Hột đi Bản Kép xã Mường Đun 86.854.000 đồng; Nâng cấp đường nội thôn Tiên Phong xã Mường Báng 77.036.000 đồng; Nhà văn hóa thôn Tì Ngài 1 xã Mường Báng 17.953.000 đồng; Nâng cấp đường nội thôn Nà Ấng xã Mường Báng 14.720.000 đồng).

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 5.382.505.000 đồng (Nước sinh hoạt trung tâm xã Trung Thu huyện Tủa Chùa).

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội 7.632.747.656 đồng, (bao gồm: Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở các cơ quan, đơn vị).

- Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước 162.232.188 đồng (bao gồm: Các đơn vị trường trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo: Trường PTDTBT Tiểu học Kim Đồng 4.005.433 đồng, Trường PTDTBT Tiểu học Mường Báng 9.935.892 đồng, Trường Tiểu học Thị trấn Tủa Chùa 24 đồng; UBMT Tổ quốc Việt Nam huyện 90.851.550 đồng; Phòng Lao động Thương binh và Xã hội 66.300 đồng; Hội Nông dân 27.343.000 đồng; Huyện đoàn 28.116.000 đồng).

- Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán 6.376.281.691 đồng (bao gồm: Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững 140.218.750 đồng; Kinh phí để thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp 1.780.000.000 đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông bước 1 tuyến đường Đèo Gió - Vàng Chua xã Sính Phình; Tả Huổi Tráng - Đê Chu xã Tủa Thành, huyện Tủa Chùa 936.441 đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ 3.806.126.500 đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ 649.000.000 đồng).

- Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền

quyết định cho phép sử dụng vào năm sau 6.740.095.153 đồng (bao gồm: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên còn lại những tháng cuối năm 2020 (tại Quyết định số 1554/QĐUBND ngày 27/7/2020 của UBND huyện Tủa Chùa) 1.136.790.000 đồng; Tăng thu ngân sách địa phương năm 2021 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2022 là 1.483.722.594 đồng; Tăng thu ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 là 2.719.000.000 đồng; Số tăng thu ngân sách năm 2021 chưa phân bổ 235.582.559 đồng; Số tăng thu ngân sách năm 2022 chưa phân bổ 1.165.000.000 đồng).

- **Kinh phí khác theo quy định của pháp luật** 29.797.972.635 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện hỗ trợ người dân gặp khó khăn trong đại dịch Covid-19 (tại Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND tỉnh Điện Biên) 178.475.650 đồng; kinh phí đấu giá đất 45.019.741 đồng; Kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ 388.276.360 đồng; Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp 150.968.810 đồng; Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa 21.037.900 đồng; Kinh phí đội tuyên truyền lưu động 178.379.322 đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ 440.483.800 đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC 133.075.657 đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách theo Nghị định số 105/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ 1.070.954.473 đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ 3.130.649.832 đồng; Kinh phí dự phòng ngân sách 330.301.820 đồng; Kinh phí sự nghiệp môi trường 66.247.767 đồng; Kinh phí thực hiện phòng chống covid-19 là 36.474.943 đồng; Kinh phí để thực hiện chi trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội năm 2021 theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 là 11.159.974.919 đồng; Kinh phí nâng cấp sửa chữa các công trình 359.466.255 đồng; Kinh phí mua sắm tài sản 501.338.584 đồng; Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí 87.283.847 đồng; Kinh phí chi thường xuyên khác 495.145.304 đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững vốn sự nghiệp 7.188.168.745 đồng; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vốn sự nghiệp 7.564.695.324 đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vốn sự nghiệp 1.016.997.360 đồng).

6. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 2.622.682.422 đồng, trong đó:

- **Chi đầu tư phát triển:** 22.155.452 đồng (bao gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước 94.452 đồng; Chi từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết 22.061.000 đồng);

- **Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Chương trình 30a):** 1.163.823.000 đồng (bao gồm: Đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ thôn Lầu Câu Phình đến ngã ba đường Tả Phìn - Tả Sìn Thàng), huyện Tủa Chùa 97.509.000 đồng; Tuyến Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ TT xã Lao Xả Phình đi thôn 3 hướng Trung Thu), huyện Tủa Chùa 50.303.000 đồng; Nâng cấp mặt đường UBND xã Mường Đun

- Nà Sa - bản Túc, huyện Tủa Chùa 317.614.000 đồng; Tuyển Sinh Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ bản Phô xã Trung Thu đến thôn 3 xã Lao Xả Phình), huyện Tủa Chùa 441.802.000 đồng; Đoạn đầu đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình 256.595.000 đồng).

- **Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:** 34.915.000 đồng, bao gồm: Kinh phí thực hiện Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) 33.120.000 đồng; Kinh phí Đào tạo nghề lao động nông thôn 1.795.000 đồng.

- **Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác:** 1.401.788.970 đồng, (bao gồm: Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai năm 2017 từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương 25.033.665 đồng; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư 20.000.000 đồng; Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững 1.256.755.305 đồng).

III. QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP XÃ

1. Quyết toán thu ngân sách

Tổng thu ngân sách cấp xã: 71.196.205.432 đồng, đạt 114% dự toán huyện giao, trong đó:

- Thu ngân sách trên địa bàn: 611.002.043 đồng, đạt 85% dự toán huyện giao.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 69.755.160.980 đồng, trong đó: Thu bổ sung cân đối: 61.463.760.980 đồng; Thu bổ sung có mục tiêu: 8.291.400.000 đồng.

- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 830.042.409 đồng.

2. Quyết toán chi ngân sách

Tổng chi ngân sách cấp xã: 71.196.205.432 đồng, đạt 109% dự toán huyện giao, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 707.986.127 đồng;

- Chi thường xuyên: 61.041.247.529 đồng;

- Chi chương trình mục tiêu: 3.167.556.222 đồng;

- Chi chuyển nguồn ngân sách: 6.279.415.554 đồng.

3. Chi tiết thu, chi ngân sách các xã, thị trấn

3.1. UBND thị trấn Tủa Chùa

- Thu ngân sách: 6.731.441.921 đồng, đạt 109% dự toán huyện giao, trong đó: thu ngân sách trên địa bàn 289.204.486 đồng, đạt 71% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.747.969.300 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 643.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 51.268.135 đồng.

- Chi ngân sách: 6.731.441.921 đồng, đạt 109% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 6.064.443.700 đồng; chi chương trình mục tiêu 193.757.801 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 473.240.420 đồng, (bao gồm: Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở 123.998.221 đồng; kinh phí chi chương trình mục tiêu 349.242.199 đồng).

3.2. UBND xã Mường Báng

- Thu ngân sách: 6.648.005.284 đồng, đạt 110% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 36.655.020 đồng, đạt 122% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 6.024.022.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 575.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 12.328.264 đồng.

- Chi ngân sách: 6.648.005.284 đồng, đạt 110% dự toán huyện giao, trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước 707.986.127 đồng; chi thường xuyên 5.217.242.500 đồng; chi chương trình mục tiêu 216.474.090 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 506.302.561 đồng, (bao gồm: Kinh phí chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước 47.013.873 đồng; nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở 100.762.778 đồng; kinh phí chi chương trình mục tiêu 358.525.910 đồng).

3.3. UBND xã Xá Nhè

- Thu ngân sách: 6.887.271.990 đồng, đạt 113% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 53.230.194 đồng, đạt 106% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 6.038.522.560 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 782.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 13.519.236 đồng.

- Chi ngân sách: 6.887.271.990 đồng, đạt 113% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 6.001.496.918 đồng; chi chương trình mục tiêu 299.996.799 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 585.778.273 đồng, (bao gồm: Nguồn kinh phí chi thường xuyên 4.086.700 đồng; nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở 98.444.128 đồng; tăng thu ngân sách 1.244.244 đồng; kinh phí chi chương trình mục tiêu 482.003.201 đồng).

3.4. UBND xã Mường Đun

- Thu ngân sách: 5.564.385.999 đồng, đạt 111% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 22.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 4.920.403.020 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 581.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 40.982.979 đồng.

- Chi ngân sách: 5.564.385.999 đồng, đạt 111% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 4.835.493.762 đồng; chi chương trình mục tiêu 238.722.164 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 490.170.073 đồng, (bao gồm: Nguồn kinh phí chi thường xuyên 50.352.972 đồng; nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở 97.539.265 đồng; kinh phí chi chương trình mục tiêu 342.277.836 đồng).

3.5. UBND xã Tủa Thành

- Thu ngân sách: 5.930.704.500 đồng, đạt 116% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 22.280.000 đồng, đạt 101% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.049.759.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 845.400.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 13.265.500 đồng.

- Chi ngân sách: 5.530.806.680 đồng, đạt 116% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.132.370.000 đồng; chi chương trình mục tiêu 285.182.539 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 513.151.961 đồng, (bao gồm: Nguồn kinh phí chi thường xuyên 2.834.000 đồng; nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở 101.220.500 đồng; tăng thu ngân sách 280.000 đồng; kinh phí chi chương trình mục tiêu 408.817.461 đồng).

3.6. UBND xã Sính Phình

- Thu ngân sách: 6.469.297.693 đồng, đạt 117% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 25.190.343 đồng, đạt 101% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.442.431.600 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 816.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 185.675.750 đồng.

- Chi ngân sách: 6.469.297.693 đồng, đạt 117%% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.544.417.453 đồng; chi chương trình mục tiêu 344.211.537 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 580.668.703 đồng, (bao gồm: Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở 108.880.240 đồng, kinh phí chi chương trình mục tiêu 471.788.463 đồng).

3.7. UBND xã Trung Thu

- Thu ngân sách: 5.222.969.523 đồng, đạt 112% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 20.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 4.564.619.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 622.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 16.350.523 đồng.

- Chi ngân sách: 5.222.969.523 đồng, đạt 112% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 4.495.548.000 đồng; chi chương trình mục tiêu 263.235.251 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 463.892.724 đồng, (bao gồm: Nguồn kinh phí chi thường xuyên 777.452 đồng; nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở 104.350.523 đồng; kinh phí chi chương trình mục tiêu 358.764.749 đồng).

3.8. UBND xã Tả Phìn

- Thu ngân sách: 5.962.924.200 đồng, đạt 114% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 22.402.000 đồng, đạt 102% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.185.616.700 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 725.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 29.905.500 đồng.

- Chi ngân sách: 5.962.924.200 đồng, đạt 114% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.068.804.484 đồng; chi chương trình mục tiêu 280.614.246 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 613.505.470 đồng, (bao gồm: Nguồn kinh phí chi thường xuyên 61.685.816 đồng; nguồn tiết kiệm chi thường

xuân để thực hiện tăng lương cơ sở 101.033.900 đồng; tăng thu ngân sách 6.400.000 đồng; kinh phí chi chương trình mục tiêu 444.385.754 đồng).

3.9. UBND xã Tả Sìn Thàng

- Thu ngân sách: 5.311.464.487 đồng, đạt 114% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 50.480.000 đồng, đạt 101% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 4.594.404.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 652.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 14.580.487 đồng.

- Chi ngân sách: 5.311.464.487 đồng, đạt 114% dự toán huyện giao trong đó: chi thường xuyên 4.567.451.000 đồng; chi chương trình mục tiêu 254.022.561 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 489.990.926 đồng, (bao gồm: Nguồn kinh phí chi thường xuyên 1.896.000 đồng; nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở 90.117.487 đồng; kinh phí chi chương trình mục tiêu 397.977.439 đồng).

3.10. UBND xã Lao Xả Phình

- Thu ngân sách: 5.167.185.072 đồng, đạt 116% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 20.560.000 đồng, đạt 103% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 4.382.591.200 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 638.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 126.033.872 đồng.

- Chi ngân sách: 5.167.185.072 đồng, đạt 116% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 4.414.900.103 đồng; chi chương trình mục tiêu 231.699.580 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 520.585.389 đồng, (bao gồm: Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở 171.284.969 đồng; kinh phí chi chương trình mục tiêu 349.300.420 đồng).

3.11. UBND xã Sín Chải

- Thu ngân sách: 6.105.369.794 đồng, đạt 117% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 27.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.119.552.600 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 819.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 139.817.194 đồng.

- Chi ngân sách: 6.105.369.794 đồng, đạt 117% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.197.830.086 đồng; chi chương trình mục tiêu 318.877.000 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 588.662.708 đồng, (bao gồm: Nguồn kinh phí chi thường xuyên 56.216.708 đồng; nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở 102.323.000 đồng; kinh phí chi chương trình mục tiêu 430.123.000 đồng).

3.12. UBND xã Huổi Sớ

- Thu ngân sách: 5.195.184.969 đồng, đạt 118% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 22.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 4.393.870.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 593.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 186.314.969 đồng.

- Chi ngân sách: 5.195.184.969 đồng, đạt 118% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 4.500.955.969 đồng; chi chương trình mục tiêu 240.762.654 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 453.466.346 đồng, (bao gồm: Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng lương cơ sở 101.229.000 đồng; kinh phí chi chương trình mục tiêu 352.237.346 đồng).

(Chi tiết theo các phụ lục biểu đính kèm)

Trên đây là Báo cáo thuyết minh tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của UBND huyện Tủa Chùa. Kính trình kỳ họp HĐND huyện xem xét./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các ban của HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng, ban, đoàn thể huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lường Tuấn Anh